

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2019

*“V/v Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Thiện Hoàng.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Tuế.

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên toà: Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, xét xử công khai vụ án thụ lý số: 186/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị D, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn ĐH, xã PĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Trịnh Xuân Q, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn ĐH, xã PĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 13/8/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị Ch trình bày:

Chị và anh Q kết hôn với nhau vào ngày 20/4/2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương.

Sau khi kết hôn chị về nhà anh Q làm dâu ngày và chung sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm Theo C, xã ML, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Đến ngày 10/3/2012 sau khi sinh con chị xin phép bố mẹ chồng cho vợ chồng về nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn ĐH, xã PĐ, huyện Đ ở để tiện cho việc chăm sóc con và làm ruộng đến năm 2013 cả vợ chồng cùng nhau đi làm công nhân ở Bắc Ninh, vợ chồng cùng thuê nhà trọ ở và bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khi chị đi làm ca đêm về thấy hàng xóm nói anh Q đưa phụ nữ về phòng ngủ, tuy nhiên chị không bắt được. Cuối năm 2013 vợ chồng lại về mượn đất của nhà chú ruột mở cửa hàng nhôm kính để làm ăn, đến tháng 3/2015 chị tiếp tục lại đi làm công nhân ở công ty Trách nhiệm hữu hạn Hanson, mức lương cơ bản được hưởng là 4.340.000^d/01 tháng, nếu đi làm tăng ca thì được khoảng 5.000.000^d đến 6.000.000^d /01 tháng, anh Q ở nhà nhưng không chịu làm ăn mà còn mang cả con đi ngủ qua đêm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm, đánh nhau, đến tháng 6/2018 anh Q đánh chị ở ngoài đường giữa chốn đông người và lấy điện thoại của chị đi vì vậy chị phải mua điện thoại khác để sử dụng và chị cắt liên lạc với anh Q từ đó cho đến nay và không quan tâm gì đến anh Q nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân đạt được, chị cương quyết xin được ly hôn anh Q.

- Về con chung: Chị xác định chị và anh Trịnh Xuân Q có một con chung là Trịnh Hoài A, sinh ngày 16/6/2011 hiện nay đang ở cùng chị và ông bà ngoại và đang học lớp 2 trường Tiểu học xã Phú Đình. Ly hôn chị xin được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được và không yêu cầu anh Q phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng, nhà vợ: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai tại Tòa án anh Trịnh Xuân Q xác định:

Thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng cũng như thời gian sống ly thân anh Q xác định như chị D trình bày là đúng, anh không bổ sung gì thêm. Nay chị D xin ly hôn anh không nhất trí vì anh xác định vẫn còn tình cảm với vợ và thương con, không muốn con thiếu vắng tình cảm của bố hoặc của mẹ nên anh muốn chị D rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Anh Q xác định anh và chị D có một con chung là Trịnh Hoài A, sinh ngày 16/6/2011 hiện nay đang học lớp 2 trường Tiểu học xã Phú Đình, ở cùng chị D và ông bà ngoại, anh đi làm xa nhưng anh vẫn thường xuyên về thăm nom con, hàng năm anh vẫn đóng tiền học cho con. Ly hôn anh xin được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được và không yêu cầu chị D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng, nhà vợ: Anh Q xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật tố tụng, việc cấp giao tổng đạt văn bản tố tụng, việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

- Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị D cho chị D được ly hôn anh Q; Về con chung giao cháu Trịnh Hoài A, sinh ngày 16/6/2011 cho chị Dương Thị D trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q do chị D tự nguyện không yêu cầu và được anh Q đồng ý; Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng chị D và anh Q đều thừa nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm chị D phải chịu anh phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con trong đó cả nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh, lập biên bản làm việc. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

- Xét về quan hệ hôn nhân và về yêu cầu xin ly hôn của chị D, ý kiến của anh Q thấy rằng:

Chị Dương Thị D và anh Trịnh Xuân Q chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã PD, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên được xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D, thấy rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian hạnh phúc, có con chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong ăn ở sinh hoạt, làm ăn kinh tế và nuôi con, chị D cho rằng, anh Q không quan tâm đến gia đình vợ con, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, hay ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng luôn xảy ra cãi vã, xúc phạm, đánh nhau thậm trí anh Q còn đánh chị ở ngoài đường nơi đông người. Anh Q cho rằng do kinh tế khó khăn nên chị D phải đi làm công nhân, từ khi chị D đi làm công nhân ở xa vợ chồng ít khi gặp nhau nên tình cảm của chị D giành cho anh nhạt dần và hay xa lánh anh, việc chị D cho rằng anh có mối quan hệ bất chính, ngủ qua đêm với người phụ nữ khác là không đúng sự thật. Như vậy, giữa hai vợ chồng đã không còn tìm được tiếng nói chung, ai cũng đi tìm công việc, cuộc sống riêng cho mình. Từ khi vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay đều không quan tâm đến nhau nữa. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp, đúng thực tế cần được chấp nhận.

- Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung xét thấy:

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị D, anh Q thấy rằng: Chị D, anh Q đều có việc làm, thu nhập ổn định, có nơi ăn, ở ổn định, phù hợp, đảm bảo mọi mặt cho cháu. Tuy nhiên hiện nay cháu Trịnh Hoài A đang ở với chị D và được ăn, ở, học tập

bình thường, nguyện vọng của cháu Trịnh Hoài A xin được ở với mẹ. Vì vậy nguyện vọng xin được nuôi con của chị D cần được chấp nhận.

Về cấp nghĩa vụ dưỡng nuôi con chung: Việc yêu cầu hoặc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là quyền của người trực tiếp nuôi dưỡng, đây là nghĩa vụ của cha mẹ không phụ thuộc vào người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không với mục đích nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con. Chị D xin được nuôi con và tự nguyện không yêu anh Q phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con, được anh Q đồng ý. Đây là sự tự nguyện của chị D vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng, nhà vợ: Chị Dương Thị D và anh Trịnh Xuân Q đều thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Dương Thị D phải chịu dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị D được ly hôn anh Trịnh Xuân Q.
2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trịnh Hoài A, sinh ngày 16/6/2011 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được, anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trịnh Xuân Q do chị Dương Thị D tự nguyện không yêu cầu và được anh Q đồng ý.

3. Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng, nhà vợ: Chị Dương Thị D và anh Trịnh Xuân Q đều xác định không có. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị D phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018220 ngày 24/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa. Chị Duyên đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hóa;
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- Các đương sự;
- lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thiện Hoàng